TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/KDTM-ST
Ngày: 29-10- 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Minh Triển
Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 19 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại P
Địa chỉ: Số 289, Lũy Bán B , phường Hiệp T , Quận T, Tp. Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công P , Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cái Nhật T , sinh năm: 1993
Địa chỉ: 18/24, Bùi Thế M , phường 10, Quận T, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

-*Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ T
Trụ sở: Số 478, Quốc Lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huệ T – Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04/8/2016) (vắng mặt)

-*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*:
Ông Nguyễn Thái S, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25/33, Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22/5/2019 trong quá trình xét xử và lời khai trước phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Cái Nhật T trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P (gọi tắt là Công ty P) có mối quan hệ hợp tác kinh doanh với Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ T (gọi tắt Công ty T). Ngày 2 tháng 01 năm 2016 giữa Công ty P và Công ty T có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán các nguyên liệu, phụ gia cho sản xuất thủy sản số 01/PB-TA/16. Theo đó mỗi khi Công ty T có nhu cầu lấy hàng thì sẽ tiến hành gửi đơn đặt hàng (thay cho hợp đồng mua bán) cho Công ty P. Thời hạn thanh toán là trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán giao hàng và hóa đơn cho bên mua. Quá trình giao dịch về các đơn đặt hàng: Ngày 16/8/2016 Công ty T có đơn đặt hàng số 011/0822016 yêu cầu Công ty P cung cấp các mặt hàng hóa chất; Ngày 12/9/2016 Công ty T có đơn đặt hàng số 006/0922016 yêu cầu Công ty P cung cấp các mặt hàng hóa chất; Ngày 8/10/2016 Công ty T có đơn đặt hàng số 005/102016 yêu cầu Công ty P cung cấp các mặt hàng hóa chất. Đây là các hóa đơn đặt hàng dự trù theo từng tháng (từ tháng 8/2016 đến tháng 10/2016). Căn cứ trên nhu cầu thực tế của Công ty T, Công ty P sẽ giao hàng kèm theo Biên bản giao nhận vật tư hàng hóa và xuất hóa đơn giá trị gia tăng dựa vào số hàng hóa thực giao. Sau khi nhận được đơn đặt hàng và căn cứ về nhu cầu về hàng hóa của Công ty T ở từng thời điểm, Công ty P đã giao đủ hàng thể hiện trên biên bản giao nhận vật tư hàng hóa có ký xác nhận giữa hai bên và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T. Từ ngày 26/9/2016 đến ngày 9/11/2016 Công ty P đã giao hàng và xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty T với tổng số tiền là 2.326.676 đồng. Ngày 30/11/2016 hai bên đã làm bản đối chiếu bù trừ công nợ, theo đó Công ty T còn nợ Công ty P số tiền 2.168.498.200 đồng.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại P yêu cầu Tòa án buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T thanh toán cho công ty Công ty P số tiền vốn theo hóa đơn là 2.168.498.200 đồng. Công ty P không yêu cầu tiền lãi phát sinh.

Đối với bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh đối với Công ty T nhưng không tiến hành lấy lời khai được người đại diện của công ty. Qua thông tin được được biết hiện Công ty T vẫn còn hoạt động để duy trì máy móc và đảm bảo việc làm cho người lao động, tài sản đã bị kê biên nên lợi nhuận thu được do ngân hàng thu giữ. Sau đó Tòa án cũng tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T thì được biết ông S và bà Huệ T vẫn còn hộ khẩu tại Số 25/33,

Trần Hưng Đ , khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T theo quy định pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông S đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty P có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi có trụ sở của bị đơn Công ty T giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.2] Về nơi cư trú của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có trụ sở tại thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ngày 12/6/2019 Công an phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T có đăng ký hộ khẩu tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không trình báo cho chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S và bà T và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ các đương sự đã cung cấp là số 478 Quốc lộ 91, ấp Hòa Long III, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và cho ông S , bà T tại số nhà 25/33, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T do bà Nguyễn Thị Huệ T đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc số: 01/PB-TA/16 ngày 2/1/2016 thì Công ty P đã thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa theo đó Công ty P có mua bán

các nguyên liệu, phụ gia cho sản xuất thủy sản cho Công ty T. Trong quá trình thực hiện giao dịch mua bán, Công ty T còn nợ Công ty Psố tiền 2.168.498.200 đồng theo bảng xác nhận công nợ ngày 30/11/2016.

Xét về nội dung tranh chấp trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Công ty P đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là giao hàng hóa với mặt hàng, số lượng, chất lượng, qui cách đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng và theo yêu cầu từng lần đặt hàng của công ty T, tuy nhiên phía Công ty T không thực hiện thanh toán tiền theo thỏa thuận. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và thời hạn thanh toán theo Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty P. Do đó, Công ty P yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Công ty P không yêu cầu tính lãi phát sinh thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Như vậy, Công ty T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty P số tiền vốn theo hóa đơn là 2.168.498.200 đồng

[3] Về án phí sơ thẩm*:* Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của Công ty P được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều: 30, 35, 39,147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005**,** Khoản 1 Điều 24, Điều 50, Điều 55, Luật Thương mại năm 2005; Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại P

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại P số tiền 2.168.498.200 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn hai trăm đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí**:** Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu 75.369.000đ (Bảy mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi chín ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

5. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại P nhận số tiền 37.700.000đ (Ba mươi bảy triệu bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014345 ngày 19/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

6. Về kháng cáo**:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/10/2019). Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T và ông Nguyễn Thái S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Dung